

Số: /BC-UBND

Côn Đảo, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2024 (Phục vụ Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 của HĐND huyện)

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân huyện

Thực hiện công văn số 49/HĐND-VP ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo về việc bổ sung tài liệu trình Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện.

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Côn Đảo báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2024, như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Triển khai thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như các văn bản chỉ đạo của Trung ương; Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai tài sản, thu nhập”; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng”; Kết luận số 10-KL/TW, ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”; Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai tài sản, thu nhập”; Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 06/11/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc”; Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của

Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”.

UBND huyện đã triển khai quán triệt đến các đơn vị thực hiện; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong cuộc họp thường kỳ của cơ quan, đơn vị phải có nội dung kiểm điểm, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải thực sự gương mẫu và dành thời gian quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị do mình phụ trách; chủ động kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực (nếu có).

Trong kỳ, UBND huyện đã ban hành 10¹ văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực như sau: Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 09/4/2024 về thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 trên địa bàn huyện Côn Đảo; Kế hoạch số 164//KH-UBND ngày 22/4/2024 về triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn huyện Côn Đảo,...

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Căn cứ Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 30/01/2024 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược Quốc gia PCTNTC đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 09/4/2024 về thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2024 trên địa bàn huyện Côn Đảo, để triển khai đến các cơ quan, đơn vị.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tham gia rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan lĩnh vực phòng, chống tham nhũng; kiến nghị rà soát, sửa đổi các thủ tục hành chính về lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, gồm:

¹ Công văn số 5178/UBND-TTr ngày 25/12/2023 về việc chỉ đạo triển khai thi hành kết luận thanh tra trách nhiệm việc thực hiện quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Công văn số 185/UBND-TTr ngày 15/01/2024 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Quyết định số 3860/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2024 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Công văn số 790/UBND-TTr ngày 22/02/2024 về việc chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế do Thanh tra Chính phủ nêu ra tại kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023; Công văn số 791/UBND-TTr ngày 22/02/2024 về việc triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về chấn chỉnh công tác kê khai tài sản, thu nhập; Công văn số 1294/UBND-TTr ngày 22/03/2024 về việc triển khai Thông tư số 01/2024/TT-TTCTP ngày 20/01/2024 của Tổng Thanh tra Chính phủ; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/3/2024 về thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024; Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 25/3/2024 về triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 09/4/2024 về thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 trên địa bàn huyện Côn Đảo; Kế hoạch số 164//KH-UBND ngày 22/4/2024 về triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn huyện Côn Đảo; Công văn số 2506/UBND-TTr ngày 23/5/2024 về việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn huyện Côn Đảo.

góp ý dự thảo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác thể chế hoá chủ trương, chính sách của Đảng về phòng chống tham nhũng, tiêu cực thành pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh; góp ý dự thảo Quy chế quản lý, sử dụng Phần mềm kê khai tài sản, thu nhập; góp ý dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 73/2015/TTLT-BTC-TTCT quy định về trang phục thanh tra.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách)

UBND huyện giao Thanh tra huyện là cơ quan chuyên môn phụ trách công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn huyện, đồng thời thực hiện chức năng tham mưu cho UBND huyện triển khai, tổ chức thanh tra, kiểm tra và tổng hợp báo cáo cho UBND huyện về kết quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Tổ chức bộ máy cơ quan Thanh tra huyện (03 biên chế + 01 hợp đồng lao động), gồm: Chánh Thanh tra, 01 Thanh tra viên, 01 chuyên viên và 01 hợp đồng lao động.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện² tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, phổ biến kịp thời đến từng cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản liên quan về PCTNTC³ thông qua các hình thức như: Lồng ghép trong các buổi họp giao ban định kỳ; sinh hoạt Đảng, đoàn thể; đăng tải trên trang thông tin điện tử; Phần mềm quản lý văn bản Idesk; sóng phát thanh, truyền hình của huyện,...

Qua tuyên truyền, phổ biến góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong công tác PCTNTC tạo sự thống nhất, tự giác, quyết tâm cao trong hành động.

e) Kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (số cuộc thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm qua

² Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác PCTNTC trên nhiều kênh sóng để nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và người dân trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh PCTN,TC, cụ thể: Thông tin trên sóng truyền hình là 06 tin, thời lượng phát sóng là 108 phút; Thông tin trên sóng truyền thanh 09 tin, 03 bài, thời lượng phát sóng là 144 phút; Về tuyên truyền các văn bản pháp luật về PCTNTC là đã thực hiện 65 chuyên mục phổ biến pháp luật; 30 chương trình tuyên truyền tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh PCTNTC góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng; 10 chuyên mục tuyên truyền lồng ghép về PCTN trong chuyên mục “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh”; với tổng thời lượng phát sóng là 3.500 phút.

³ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

thanh tra): Trong kỳ, UBND huyện chưa tiến hành các cuộc thanh tra về trách nhiệm thực hiện quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

UBND huyện, các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác cải cách hành chính; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định pháp luật; việc sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng, tiết kiệm tăng thu nhập đều được công khai, minh bạch, báo cáo tài chính hàng quý, năm theo quy định; việc đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nâng lương,... được thực hiện công khai, dân chủ theo đúng quy định.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị, cá nhân biết, liên hệ công tác và giám sát việc thực hiện, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện tiếp tục thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong phạm vi, lĩnh vực hoạt động, quản lý, phụ trách của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, nhất là trong các lĩnh vực: Sử dụng ngân sách, quản lý tài chính, mua sắm, sử dụng tài sản công, quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất, đầu tư xây dựng, kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thông qua các hình thức công khai như: Công khai trên Trang Thông tin điện tử huyện, niêm yết tại trụ sở,...

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện đã xây dựng và thực hiện đúng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị; đồng thời, các cơ quan, đơn vị cũng chú trọng công tác kiểm tra, rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các chế độ, định mức, tiêu chuẩn cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và điều kiện, tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị.

Trong kỳ báo cáo, UBND huyện đã ban hành các văn bản triển khai và văn bản góp ý về định mức, tiêu chuẩn, chế độ: Công văn số 35/UBND-TCKH ngày 04/01/2024 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Công văn số 1360/UBND-TCKH ngày 26/03/2024 về việc góp ý các dự thảo văn bản xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Công văn số 2195/UBND-TCKH ngày 09/05/2024 về việc ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 28/03/2024 về kiểm tra công tác quản lý thu, chi tài chính; tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế; thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2024 các cơ quan, đơn vị (trong đó có nội dung kiểm tra việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ). Dự kiến kiểm tra trong Quý III/2024.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

UBND huyện Côn Đảo ban hành Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên hợp đồng làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Côn Đảo. Nhìn chung các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện đã triển khai, thực hiện nghiêm các quy định về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 20 của Luật PCTN 2018. Thường xuyên quán triệt, nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức khắc phục những hạn chế yếu kém, xây dựng tác phong, thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, hòa nhã hơn cũng như nâng mức độ hài lòng của công dân, doanh nghiệp đạt tỷ lệ cao; thực hiện đúng quy tắc ứng xử, quy chuẩn đạo đức nghề nghiệp của đơn vị mình và của cơ quan Trung ương quản lý ngành, lĩnh vực đã ban hành, nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức và hiệu quả trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ; đồng thời xem đây là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:

Trong năm 2024, UBND huyện Côn Đảo không xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong nội bộ giữa các cơ quan, đơn vị.

Lý do: Ngày 07/5/2024, UBND huyện đã có công văn số 2145/UBND-NVLĐTBXH về việc báo cáo tình hình thực hiện chuyển đổi vị trí công tác năm 2024 trên địa bàn huyện Côn Đảo, gửi Sở Nội vụ, theo đó, do huyện Côn Đảo không có chính quyền cấp xã, phường, thị trấn; việc chuyển đổi vị trí công tác giữa các cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế, bất cập do số lượng biên chế ít nên viên chức có trình độ chuyên môn phù hợp vị trí việc làm không đủ để thực hiện chuyển đổi. Hàng năm, trên cơ sở Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh, UBND huyện Côn Đảo đã triển khai xây dựng Kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc UBND huyện⁴.

Thời điểm hiện nay, các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc huyện không có nhân sự đến thời hạn thực hiện chuyển đổi vị trí công tác trong nội bộ và giữa các cơ quan, đơn vị; do đó, UBND huyện không có đối tượng để thực hiện chuyển đổi vị trí công tác trong năm 2024.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 307/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Côn Đảo cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Côn Đảo; Kế hoạch số 354/KH-

⁴ Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 28/3/2022: thực hiện chuyển đổi vị trí trong nội bộ đơn vị: 10 người; chuyển đổi vị trí công tác tại các cơ quan, đơn vị: 02 người.

Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 13/3/2023: thực hiện chuyển đổi vị trí trong nội bộ đơn vị: 05 người; chuyển đổi vị trí công tác tại các cơ quan, đơn vị: 02 người.

UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện về cải cách hành chính Nhà nước năm 2024 trên địa bàn huyện Côn Đảo; Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của huyện trên địa bàn huyện; Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND huyện thực hiện khâu đột phá về chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn huyện. Đồng thời, thực hiện rà soát lại danh mục thủ tục hành chính để cắt giảm giải quyết so với quy định; thực hiện công bố danh mục thủ tục hành chính theo quy định; tăng cường chỉ đạo công chức tham mưu giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy trình, thủ tục, đúng thời gian theo quy định; xây dựng Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 16/05/2024 về tổ chức Cuộc thi viết “Sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính” huyện Côn Đảo năm 2024.

- UBND huyện chỉ đạo duy trì hiệu quả mô hình một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống Phần mềm Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm văn bản và lưu trữ hồ sơ; sử dụng hệ thống Thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc, góp phần tiết kiệm thời gian, kinh phí, trao đổi công việc nhanh chóng, thuận tiện, đồng thời đảm bảo về an toàn, bảo mật thông tin.

- Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện việc trả lương và các khoản thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thông qua hệ thống tài khoản tại ngân hàng và sử dụng thẻ ATM nhằm kiểm soát chặt chẽ các khoản thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Căn cứ Luật PCTN năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 2084/TTr-NV4 ngày 16/11/2023 của Thanh tra tỉnh hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương triển khai việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023.

UBND huyện đã ban hành công văn số 4619/UBND-TTr ngày 22/11/2023 về việc triển khai hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập năm 2023; Kế hoạch số 346/KH-UBND ngày 25/12/2023 về thực hiện kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 để triển khai đến các cơ quan, đơn vị. Kết quả kê khai:

- Tổng số người thuộc diện phải kê khai: 09 người (đối tượng không thuộc diện Ban thường vụ Huyện ủy, Tỉnh ủy quản lý) trong đó:

+ Kê khai hằng năm: 05 người;

+ Kê khai bổ sung: 04 người.

- Tổng số người đã thực hiện kê khai: 09/09 người; tỷ lệ 100 % số người kê khai.

- Tổng số người chậm thực hiện kê khai: Không.

- Số lượng bản kê khai tài sản, thu nhập lưu giữ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: 09 bản.

- Số lượng bản kê khai nộp cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền: 09 bản.

- Số bản kê khai đã công khai bằng hình thức niêm yết và công bố tại cuộc họp: 09/09; tỷ lệ 100 % so với số bản kê khai đã công khai.

- Số bản kê khai chưa được công khai: Không.

Qua công tác chỉ đạo triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập 2023; nhìn chung, các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện đã chấp hành tốt việc kê khai tài sản, thu nhập; các đối tượng thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập đều tiến hành việc kê khai theo đúng quy định (UBND huyện đã có Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 05/2/2024 về kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2023).

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo:

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: Chưa phát hiện.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Chưa phát hiện.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không phát sinh

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có): Không phát sinh.

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không.

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng: Không phát sinh.

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: Không.

g) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong ngành Thanh tra: Không.

4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến các văn bản có nội dung liên

quan đến công tác PCTNTC, những kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên: Tiếp tục tăng cường giám sát việc thực hiện Luật PCTN, nhất là giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Qua công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến thì cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã nâng cao nhận thức pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, qua đó, không có trường hợp quy phạm các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

c) Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng: Không phát sinh.

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng: Không.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương

Công tác PCTNTC tiếp tục được UBND tỉnh, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, UBND huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện và đạt được kết quả bước đầu, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của huyện, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện thường xuyên nhận thức vai trò, tầm quan trọng của công tác PCTNTC trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; kịp thời quán triệt, lãnh đạo chỉ đạo, thực hiện công tác PCTNTC; triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp PCTNTC tại cơ quan, đơn vị mình, nhất là việc công khai, minh bạch được chú trọng thực hiện bằng nhiều hình thức. Kịp thời ban hành các văn bản, kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện công tác PCTNTC theo chỉ đạo của cấp trên.

2. So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: So với cùng kỳ năm trước, có chuyển biến tích cực, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trong công tác PCTNTC ngày càng cao hơn.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Công tác PCTNTC trên địa bàn huyện được triển khai thực hiện tốt, các giải pháp PCTNTC được triển khai đồng bộ trong từng ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị, góp phần ngăn, ngừa tham nhũng, tiêu cực.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Đến nay chưa phát sinh khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

a) Phương hướng chung trong thời gian tới

- Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về PCTNTC.

- Chỉ đạo thường xuyên thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTNTC đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan thường xuyên rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm phòng ngừa việc lợi dụng sơ hở để trục lợi, tham nhũng, tiêu cực.

- Chỉ đạo Thanh tra huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch tiếp tục thực hiện công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

b) Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTNTC đến cán bộ, đảng viên, công chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn huyện.

- Đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTNTC và các kế hoạch, văn bản triển khai của UBND huyện về công tác PCTNTC.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm, chất lượng phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác PCTNTC; nghiêm túc thực hiện quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

- Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo có hiệu lực pháp luật; chỉ đạo xử lý vi phạm qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra công vụ, việc thực hiện quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường

hợp tham nhũng, tham nhũng vặt. Nâng cao đạo đức, kỷ luật, kỷ cương công vụ, ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục tăng cường vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức đoàn thể thành viên trong giám sát việc thực hiện Luật PCTN, nhất là giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

c) Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế: Không phát sinh.

2. Kiến nghị, đề xuất: Không.

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2024; UBND huyện Côn Đảo kính báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân huyện.

(Kèm theo là Biểu số 01/PCTN, Biểu số 02/PCTN và Biểu số 03/PCTN)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Lưu: VT, TTr.

CHỦ TỊCH

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Côn Đảo)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	10
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC	Lượt người	0
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được xuất bản	Tài liệu	0
	THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
7	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC	Cuộc	0
8	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC đã ban hành kết luận	Cuộc	0
9	Số đơn vị được thanh tra	Đơn vị	0
	Kiểm nghị xử lý hành chính		
10	+ Tập thể	tập thể	0
11	+ Cá nhân	người	0
	Kiểm nghị xử lý hình sự		
12	+ Số vụ	vụ	0
13	+ Số đối tượng	Đối tượng	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
15	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
16	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
17	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
18	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
19	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
20	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
21	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
22	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
23	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
24	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
25	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
26	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
27	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
28	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
29	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
30	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		

31	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
32	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
33	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	533
34	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	246
35	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
36	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
37	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
38	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
39	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
40	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	9
41	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
42	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
43	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
43.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
43.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
44	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
45	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
46	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Vụ	0
	- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	vụ	0
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Người	0
	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	người	0
	Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán		
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng		
58	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
59	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
60	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
61	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	0
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
62	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
63	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)		

64	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
65	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	Qua điều tra tội phạm		
66	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
67	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
69	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
70	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
71	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHŨNG		
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
74	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
74.1	- Khiển trách	Người	0
74.2	- Cảnh cáo	Người	0
74.3	- Cách chức	Người	0
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
75	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
76	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
76.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	
76.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	
76.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	
76.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
77	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
78	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
79	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
80	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
81	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
82	Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
83	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
83.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	
83.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	
84	Đất đai	m ²	
84.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	
84.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
85	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
86	Đất đai	m ²	
	PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)		
87	Tổng số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
88	Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
89	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Vụ	0
90	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Người	0

91	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính	Vụ	0
92	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật	Người	0
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
93	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	
94	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTNTC	Tổ chức	
95	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTNTC	Tổ chức	
96	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	
97	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	
98	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	
99	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
100	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

Ghi chú:

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu
- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.
- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTNTC của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn
- (1) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo
- (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

Tên cơ quan: Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo

Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Côn Đảo)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	Không có				
Tổng số:					

Tên cơ quan: Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo

Biểu số: 03/PCTN

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG, TIÊU CỰC ^(*)

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Côn Đảo)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1	Không có						
Tổng số:							

Hướng dẫn cách ghi biểu:

^(*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4),(5): Điền dấu "x"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "x" tại Cột (5)